

LỮ ĐOÀN 147 TQLC

Từ Một Cuộc Di Tán Chiến Thuật Tháng Ba 1975

Mũ Xanh Phạm Văn Tiền, F20.

Chúng ta đang bước vào những ngày lễ tưởng niệm **Tháng Ba Gãy Súng** của QLVNCH tại vùng giới tuyến. Cuộc chiến đấu một mất một còn với chủ thuyết Cộng Sản toàn cầu đã chấm dứt hơn 47 năm về trước, nhưng niềm đau xót khôn nguôi luôn ám ảnh vào tâm khảm của mỗi chiến sĩ miền Nam Tự Do. Người lính Việt Nam Cộng Hoà bị buộc phải thua đau trong niềm tức tưởi nghẹn ngào. Còn kẻ chiến thắng thì bàng hoàng ngỡ ngác, không biết từ đâu mà mình chiến thắng quá nhanh và dễ dàng như vậy.

Niềm oan ức về một sự sụp đổ một thể chế Cộng Hòa suốt hơn 20 năm gây dựng, ngày nay đã được minh oan bằng những chứng cứ lịch sử. Chính nghĩa của một chế độ đã được phục hồi cùng những chiến sĩ can trường bất khuất trong cuộc chiến đó. Những người lính VNCH đã nằm xuống trên mọi miền đất nước nay đã được vinh danh, cùng những Thương Phế binh đã mất một phần thân xác mình cũng đã được phục hồi danh dự, bằng những buổi ca nhạc gây quỹ “Cảm Ơn Anh”, với sự tham dự vài chục ngàn người. Cờ vàng chính nghĩa đã được

công nhận trên rất nhiều tiểu bang Hoa Kỳ, cùng rất nhiều đài tưởng niệm chiến sĩ Việt Mỹ đã được dựng lên, để tôn vinh mãi mãi, cũng như ghi nhớ công lao của những anh hùng đã nằm xuống, và máu xương đã đổ ra trong cuộc chiến đấu bảo quốc an dân đó.

Tôi vẫn nhớ cái ngày mà đơn vị tôi đã phải tan hàng tại cửa biển Thuận An, Huế. Một cuộc bại trận không phải do những người lính chúng tôi không chịu chiến đấu, mà do từ lệnh trên của các cấp thẩm quyền, ngoài khả năng hiểu biết của anh em chúng tôi. Một cuộc lui binh chưa từng được viết ra trong binh pháp, và cũng chưa đơn vị nào đem ra áp dụng bao giờ. Đó là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng trong quân sử miền Nam VN.

Bài viết này xin dành tặng các chiến hữu TQLC của tôi, những người đã may mắn không hiện diện tại mặt trận phía Bắc Quảng Trị vào những ngày cuối Tháng Ba gầy sủng. Các anh có lệnh xuôi Nam còn chúng tôi những Kinh Ngu, Hắc Long, Mãnh Hồ, Sói Biển, Thần Tiên còn ở lại. Những diễn biến có thật mà máu và nước mắt tưởng chừng như không đủ để nói lên những oan trái xót xa đã dành sẵn cho thân phận của một người lính Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

oOo

Đầu tháng 3 năm 1975, Cộng Sản Bắc Việt dốc toàn lực lượng tấn công hầu cường chiếm toàn bộ miền Nam... Bình Long bị mất vào tay giặc. Thị Xã Ban Mê Thuật sau đó cũng bị bỏ ngõ hoàn toàn với việc rút quân ồ ạt như nước vỡ bờ của Quân Đoàn II về Nha Trang và nhiều nơi khác. Trong khi đó, phòng tuyến phòng thủ phía Bắc do Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến đảm trách vẫn còn là một vùng đất yên tĩnh trong sự cẩn thận, dè dặt chờ đợi lẫn nhau.

Phối hợp nhịp nhàng của hai sư đoàn tổng trừ bị thiện chiến nhất là Nhảy Dù và TQLC, với thế đánh gọng kìm liên tục từ hai phía Đông Tây, đã buộc địch phải tháo chạy với nhiều tổn

thất nặng nề, bằng chiến thắng tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị ngày 14-9-72. Sư Đoàn Nhảy Dù được điều động về mặt trận Đức Dục, Quảng Nam. Sư Đoàn TQLC ở lại chịu trách nhiệm trên một chiến tuyến khá rộng trải dài từ bờ biển Đông sang tận những mỏm núi tận cùng phía Tây thuộc dải Trường Sơn, qua các vùng Mỹ Thủy, Long Quang, Bích La, Triệu Phong, Nam sông Thạch Hãn, Như Lệ, Tích Tường, La Vang, Động Ông Đô, Barbara, Anne, Cổ Bi, Hiền Sĩ, Thanh Tân, Lò Ô...

Liên Đoàn 911 và các đại đội biệt lập Địa Phương Quân Tiểu Khu Quảng Trị được đặt dưới quyền điều động của Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn TQLC hành quân trong việc phòng thủ này. Mặc dù là đơn vị được giao nhiệm vụ phòng thủ, nhưng Sư Đoàn TQLC vẫn luôn chứng tỏ khả năng di động tấn công tận sào huyệt địch. Chúng ta có thể kể đến cuộc đổ bộ vượt sông Thạch Hãn của Tiểu Đoàn 6 TQLC, vào tháng 10 năm 72; cuộc hành quân thần tốc tái chiếm cửa Việt, tháng 1 năm 1973 trước giờ ngưng bắn có hiệu lực của hiệp định Paris. Đặc biệt Lữ Đoàn 258 TQLC đã hạ một tàu vận tải lớn tiếp tế địch đang mon men ngoài khơi bờ biển Mỹ Thủy, tháng 6 năm 1973.

Ngược lại, địch quân chưa có lần nào dám liều lĩnh tấn công vào các đơn vị TQLC. Có chăng chỉ là những hành động phá hoại lén lút, đặc công, giật mìn lẻ tẻ trên các trục lộ giao thông tiếp tế. Phải nói rằng đây là phòng tuyến phòng thủ vững chắc nhất, thừa sức ngăn chặn mọi cuộc xâm lăng từ phương Bắc xuống của Cộng Sản Bắc Việt.

Do tình hình xáo trộn chung của đất nước và vì nhu cầu đòi hỏi cấp bách của chiến trường lúc này, Bộ Tổng Tham Muu QLVNCH đã quyết định điều động phân lớn các lực lượng TQLC về Nam gồm các Lữ Đoàn 258, 369, và 486 vừa mới được thành lập. Lữ Đoàn 147 do Đại Tá Nguyễn Thế Lương chỉ huy gồm các Tiểu Đoàn 3, 4, 5, Tiểu Đoàn 2 Pháo Binh, hai đại đội Viễn Thám và Tiểu Đoàn 7 TQLC thuộc Lực Lượng Đặc Nhiệm Tango do Đại Tá Tư Lệnh Phó trực tiếp chỉ huy đang nằm sẵn trên các tuyến. Thay vào lỗ hổng to lớn trên

là hai Liên Đoàn BĐQ với trang bị quân số thiếu hụt. Đây là khởi điểm cho tất cả sự bỏ ngõ sau này ở mặt trận Bắc Quảng Trị.

Mãi đến chiều tối ngày 7/3/1975, địch bắt đầu mở cuộc tấn công đầu tiên thật mãnh liệt vào một trung đội tiền đồn tại Đồi 51 thuộc căn cứ Tư Tượng, hướng Tây Quốc Lộ 1, cây số 23. Chỉ huy đơn vị này là Trung Úy Sáng, Đại Đội Phó Đại Đội 1 Tiểu Đoàn 4 TQLC. Tiểu Đoàn đã chiến đấu thật can cường, đẩy lui nhiều đợt xung phong biển người của địch. Lần liên lạc sau cùng qua máy PRC-25 vào lúc bốn giờ sáng, anh đã yêu cầu pháo binh chụp thẳng trên đầu mình vì vị trí bị địch tràn ngập. Anh đã tử thương sau đó trong cuộc cận chiến bằng lựu đạn với kẻ thù.

Sáng sớm ngày 9/3/75, Thiếu Tá Trần Ngọc Toàn Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 4/ TQLC điều động toàn bộ lực lượng còn lại. Với yểm trợ thật chính xác của các phi vụ A-37 thuộc không lực Vùng 1 Chiến Thuật, ta đã hoàn toàn làm chủ tình hình. Xác địch nằm ngổn ngang trong các bãi mìn của hàng rào phòng thủ, một số đồng bọn khác đang lẩn tránh trong các bụi rậm bị ta bắt sống. Cũng cùng trong đêm đó, tại một nơi khác, Tiểu Đoàn 121 Địa Phương Quân Tiểu Khu Quảng Trị đã tóm nguyên trung đội địch khi chúng tìm cách tiến về hướng quận Hương Điền.

Ngày 22/3/75, đoàn xe tiếp tế cuối cùng của đơn vị rời hậu trạm Măng Cá, Huế vào vùng hành quân. Chúng tôi được biết hầu hết dân chúng đã di tản vào Đà Nẵng và hậu trạm cũng được Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn mang tất cả trang thiết bị về cửa biển Thuận An chờ lệnh.

Tôi chỉ thị cho các đại đội thu gọn lại các trang bị và phải gấp rút di tản các thương bệnh binh đi theo chuyên tiếp tế này.

Ngày 23/3/75 vào lúc 3 giờ chiều, sau khi đồng loạt pháo kích dữ dội vào tất cả các vị trí, địch từ thượng lưu sông Bồ, xung phong tấn công vào các tuyến của Đại Đội 2 Tiểu Đoàn 5

TQLC. Vì quá bất ngờ và thiếu đề cao cảnh giác nên hai trung đội tận cùng cánh trái của đại đội này bị bung tuyến. Tôi liên lạc với Đại Úy Trần Văn Loan, Đại Đội Trưởng, hãy cố gắng gom con cái lại và chỉnh đốn đội hình, đồng thời báo cáo tình hình này về Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn. Đại Tá Lữ Đoàn Trưởng ra lệnh là bằng bất cứ giá nào cũng phải chiếm lại vị trí vừa mất.

Chấp nhận mọi hy sinh thiệt hại, Đại Đội 4 của Đại Úy Nguyễn Văn Hai được tăng cường và đã hoàn tất nhiệm vụ vào lúc sáu giờ sáng ngày 24/3/75. Cũng trong thời gian này, hầu hết tất cả các đơn vị Biệt Động Quân, Địa Phương Quân tự động rã ngũ bỏ tuyến phòng thủ Bắc Quảng Trị kéo về Huế thật hỗn độn. Thị Xã Quảng Trị coi như bị bỏ ngỏ hoàn toàn. Tiểu Đoàn 4 TQLC được điều động về làm nút chặn tại phía Nam cầu An Lỗ; Tiểu Đoàn 7 TQLC trấn dọc sông Mỹ Chánh từ cầu Vân Trình ra biển Đông, phòng tuyến cao nhất phía Bắc của miền Nam.

Khoảng bốn giờ chiều cùng ngày, nhận được lệnh về tham dự cuộc họp khẩn cấp tại Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn. Đại Tá Nguyễn Thế Lương, Lữ Đoàn Trưởng cho chúng tôi biết rõ tình hình tổng quát và nhiệm vụ phải thi hành đêm nay là một cuộc di tản chiến thuật cho tất cả các lực lượng về cửa biển Thuận An, vùng đất từ Bắc Đèo Hải Vân trở ra rồi sẽ lọt vào tay địch... Cũng như thành phố Quảng Trị bị vất bỏ một cách vô tội vào sáng hôm nay khi mới chỉ có một vài loại pháo kích lẻ tẻ đầu đó.

Thế là hết, còn gì đâu hào quang chiến thắng “Cờ bay, cờ bay oai hùng trên thành phố thân yêu vừa chiếm lại đêm qua bằng máu...” Máu của hàng vạn đồng bào, máu của hàng ngàn chiến hữu nằm xuống cho vùng đất hồi sinh và ngay bây giờ, từ tối nay Huế cũng sẽ chịu chung số phận. Cố Đô đầy niềm kiêu hãnh tự hào dân tộc rồi sẽ bị nhuộm đỏ vì lũ người khát máu CS. Hàng trăm nắm mồ chôn sống tập thể còn đó, máu xương mồ hôi nước mắt của bao chiến sĩ QLVNCH còn đây trong lời thề quyết tử bảo vệ cố đô Mậu Thân 1968. Còn

đâu nữa những ngày tháng vàng son nhất của người lính chiến nơi tuyến đầu lửa đạn lúc nào cũng hùng dũng hiên ngang. Có nỗi đau nào hơn niềm tủi nhục của người lính bại trận!

Việc cần thiết trước nhất là phải làm sao bảo đảm được đơn vị rút lui một cách trọn vẹn, an toàn hầu đủ sức chịu đựng một cuộc dạ hành trên đoạn đường dài gần 30 km. Thiếu Tá Ngô Thành Hữu, Tiểu Đoàn Phó và Đại Úy Giang Văn Nhân, Ban 3 đang chờ đợi tại Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn. Chúng tôi cùng đồng ý với nhau bằng một cuộc lui binh trong bí mật, bất ngờ. Tất cả vũ khí nặng, công kên như SKZ 57 ly, súng cối 81 ly, hỏa tiễn TOW chống chiến xa, đạn dược và những trang bị nặng nề được lệnh phá hủy tại chỗ, hay ném xuống dòng sông.

Đại Đội 1 của Đại Úy Hồ Văn Chạnh (*Khóa 23*) đóng chốt từ xa được di chuyển trước. Chúng tôi không xử dụng đoạn đường quen thuộc hàng ngày, băng qua một xóm nhỏ để đến Cây Số 17 cầu An Lỗ, mà là dọc con đường sắt Xuôi Nam, rồi sau đó sẽ đổi hướng về Quốc Lộ 1 khi các đại đội đã bám sát được với nhau. Đã có chừng cả trăm người lính đủ mọi binh chủng, không còn đơn vị đang tụ tập vây quanh bốn chiến xa M-48 nằm chờ vờ giữa lộ, nòng súng chia thẳng về hướng quân thù, bình thản cười nói vui vẻ như đang tham dự một cuộc dạ hành ngoài trời. Đến trường trung học Hương Trà nằm sát lề Đông quốc lộ, tiểu đoàn dừng lại để kiểm điểm quân số và củng cố lại đội hình. May mà trong tay chúng tôi còn một xe Jeep hành quân, cứ thế chạy lên, chạy xuống để “tha” những người lính bết bát, trễ nãi sau cùng.

Điều tưởng như không ngờ, thế mà đã xảy ra một cách thật tội nghiệp cho Trung Đội Nghĩa Quân quận Hương Trà, tập họp và bị bỏ quên tại đây chờ lệnh thượng cấp từ mấy ngày nay. Người trung đội trưởng già đến xin tháp tùng cùng chúng tôi. Vài chiếc xe M41 nữa cũng bắt đầu nổ máy rầm rộ tiến giữa đoàn quân. Nhiều đám đông dân chúng hòa lẫn hoặc nối đuôi phía sau. Họ ra đi từ chợ Cạn, Hội Yên, Văn Trinh, Hải Lăng, Mỹ Chánh... từ ngày hôm qua hay sớm hôm nay vì

không còn gì để hy vọng vào sự bảo vệ của người lính chúng tôi.

Tiếng khóc than vang vọng bầu trời xanh. Họ, những kẻ bất hạnh, còn lại sau cùng đang lê lét từng bước một lần mò tìm “tự do” vì một cuộc chủ nghĩa Cộng Sản bạo tàn. Vài cụ già chống gậy, các trẻ thơ vô tội kia rồi sẽ ra sao? Liệu có còn đủ sức hay phải kiệt hơi ngã quy dọc đường?

Rời ngã ba An Hòa rẽ phải tiến về Huế, thành phố bỏ ngõ tối tăm rải rác còn lại vài bóng bên đường. Nhiều vết lửa tung tóe lên bầu trời u tối do những trái sáng được ném từ các toán lính tan hàng mất đơn vị chẳng biết phải làm gì. Súng vẫn nổ lẹt đẹt đó đây hòa lẫn tiếng chó tru vọng ra từ các căn nhà vắng chủ. Phú Văn Lâu vẫn nằm đây bên bờ sông Hương, nhưng còn đâu bóng dáng các con đò quen thuộc hàng ngày. Tiểu đoàn bắt đầu tiến quân qua chiếc cầu đúc mới xây bên dưới bến bờ Nam dòng sông, rồi từ đó quẹo trái về Đông, hướng ra biển. Tôi cho xe dừng lại ở phía bên này cầu chờ đợi cho hết người lính sau cùng. Cảm thấy khá an tâm và một chút hãnh diện về những binh sĩ thuộc quyền. Tất cả đều can đảm, hy sinh chịu đựng, và luôn tuân lệnh cấp chỉ huy ngay trong những giờ phút nguy hiểm nhất như lúc này.

Tôi không nhớ là bao nhiêu lần mình đã nhân danh thẩm quyền để mà ra lệnh cho thuộc cấp xung phong vào chỗ chết. Với 12 năm trong cuộc đời binh nghiệp, con số này chắc không ít lắm đâu? Dĩ nhiên là cấp chỉ huy nhỏ, tôi cũng chỉ là kẻ truyền và kiểm soát lệnh và cá nhân mình cũng bị xoay quanh trong các vòng luẩn quẩn ấy! Vài con gió mạnh thổi từ mặt biển vào, cũng nơi đây cây cầu, dòng sông một thời kỷ niệm, tôi bỗng cảm thấy luyến tiếc thèm khát tìm gặp lại một vài nơi chốn quen thuộc lần cuối may ra hình ảnh cũ để nhớ người xưa!

Cho tài xế lùi xe lại tiến về hướng Đại Lộ Trần Hưng Đạo và dự định theo cầu Trường Tiền cũ qua sông. Đường trống

vắng chẳng có một chiếc xe nào lai vãng, xa xa trong bóng tối chập chờn, lác đác vài bóng người. Tôi bắt đầu cảm thấy ớn lạnh. Bây giờ ngoài đơn vị TQLC ra, các đơn vị khác chẳng còn gì nữa để mà phân biệt lẫn nhau. Quả thật chẳng còn tình nghĩa gì ràng buộc, nếu có ai đó nổi hứng “bóp cò”.

Có lệnh cho tôi tiến về phía trước để gặp Đại Bàng Long Mỹ (Đại Tá Lữ Đoàn Trưởng). Ông giao cho một xấp bản đồ và thay đổi lộ trình về phía phà Tân Mỹ. Đoạn đường từ đầu thôn Vỹ Dạ về cửa biển Thuận An không thể nào nhúc nhích nổi, nhiều dòng người di tản cùng các đơn vị tan hàng đổ về đây với không biết bao nhiêu xe cộ. Thượng Sĩ Thương, Thương Vụ Tiểu Đoàn, chẳng biết từ đâu mang về vài két Bia 33, có lẽ từ khách sạn Hương Giang bỏ trống? Anh nói với tôi:

- Nhậu đi Đại Bàng, đang buồn ngủ mà gặp chiếu manh.

- Thôi nhanh lên mà đi, ông ơi! Non nước này mà còn nhậu với nhệ!

Từ hướng quán cơm Âm Phủ, một người đàn ông già trạc 70 tuổi tìm đến phàn nàn về một số lính vào đập phá, lục lạo nhà của ông ta.

- Coi chừng Việt Cộng đó, Đại Bàng.

Thử hỏi ai mà biết được ai trong thời buổi tranh tối, tranh sáng này, ngay cả toán lính đập phá kia. Có điều tại sao trong hoàn cảnh như thế này mà ông ta là kẻ đứng đưng như vậy!

Qua khỏi cầu Đập Đá một quãng nữa, bắt đầu rẽ phải vào con đường đất, thôn Vỹ Dạ chìm đắm trong màn đêm u tịch, đống đống leo lét nhiều ngọn đèn dầu từ khắp các miếu thờ, vết tích vàng son của một thời vua chúa. Chó càn lúc càn sủa vang bên những khu vườn trống vắng, đoàn quân vẫn tiến đều. Đến khúc lộ bị hư, đành phải vất bỏ xe lại dọc đường.

- Phá hủy xe đi, ông thầy.

- Không cần, mình đang di chuyển, không nên gây tiếng nổ.

Lắm bả trong miệng, Liên, tài xế mò vào túi quần lấy ra

con dao, cắt hết tất cả dây trong đầu máy xe và quăng bình điện vào một bụi rậm gần đó. Anh cũng không quên hốt thật nhiều cát bỏ vào bình xăng và nói:

- Ai ngu để cho lũ ác ôn xử dụng. Mình không dùng, phá hư luôn... hi... hi...

Đến tờ mờ sáng thì toàn thể đơn vị đã có mặt bên này phá Tam Giang mênh mêng. Niềm vui rạng rỡ trên mặt mọi người. Phải mất thêm ba tiếng đồng hồ nữa mới đến được bờ bên kia sát biển bằng một số “ghe gò” của dân còn lại ở xóm chài.

Từ lâu mới có một ngày nắng đẹp như hôm nay, bầu trời trong xanh với nhiều tia nắng long lanh chiếu vào mặt biển. Gió vi vu vừa đủ để mơn trớn các con sóng vỗ ì ạch vào bờ. Không còn gì thích bằng ngồi đây, dưới bóng râm của hàng dương xanh thẫm, trên đồi cát, hướng mắt về đại dương bao la, nơi đó nhấp nhô nhiều con tàu như người tình mơn trớn hứa hẹn. Ăn vội ít cơm ở bao gạo sấy còn lại. Trong chớp mắt chập chờn, tiếng la khóc, than van còn mãi ám ảnh trong trí tôi trên đường rút chạy sáng hôm nay.

Đó là khoảng hai giờ chiều ngày 25/3/75. Cả Lữ Đoàn tập hợp trên bãi cát trắng xóa theo thứ tự sẵn sàng như một cuộc hành quân đổ bộ ngày nào. Đâu phải chỉ việc sắp hàng chờ lệnh lên tàu là xong. Địch đã rượt theo ta đêm hôm qua, đã mò tó sát chúng tôi sáng hôm nay. Địch đã có mặt bên kia bờ phà, đã trà trộn trong đoàn quân. Theo lệnh của mặt trời Papazulu nào đó (*Tướng Lâm Quang Thi, Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn I*), chiếc HQ-801 dành riêng cho TQLC đã chực sẵn cách bờ khoảng 50m. Nhưng đâu phải chỉ có chúng tôi cần sống, còn dân chúng, những người lính mất đơn vị hỗn độn kia. Họ cũng cần cứu vớt như chúng tôi, mà chẳng ai có kế hoạch gì riêng để giúp đỡ họ.

Trong cơn quần bách này, không ai cần nghĩ đến ai, chà đạp tranh giành nhau mà sống, mạnh được yếu thua. Khi con rắn đã mất đầu chỉ còn lại cái đuôi tha hồ mà góc nguây. Như

sức bật của chiếc lò xo, tất cả ủa nhau tràn ra tàu, người không biết lội ôm sát người biết bơi, ngụp lặn với tử thần trong sóng nước. Vài chiếc xe M-113 lội nước ủa tới đê lên, tiếng rên la gào thét. Một con sóng nhồi lên, hai con sóng đập xuống. Những cái đầu lô nhô, nhiều thân hình chìm lịm, mắt hút trong khi con tàu vẫn nổ máy đợi chờ. Địch đã vượt phá Tân Mỹ, đã có mặt ở cái miếu trên đồi cát đầu làng. Địch đã bắt sống một số lính phía sau, địch bắt đầu pháo rải rác khắp nơi trên mặt biển.

Bãi bốc đã không còn an ninh mà trật tự cũng chẳng có. Con tàu đành bắt lục rời bến. Để được an toàn hơn, Lữ Đoàn quyết định dời bãi bốc về hướng Nam và bằng đủ mọi cách phải tách rời đám đông hỗn loạn kia hầu dễ dàng đối phó với tình hình mới. Dọc theo mé nước đầy rẫy xác người, những bộ mặt nhợt nhạt, bất động, ngừng thờ theo con sóng biển đập vùi, có lạ, có quen. Người dễ nhận ra nhất là Đại Úy Ân, Đại Đội Trưởng Đại Đội ĐPQ Tiểu Khu Quảng Trị. Chúng tôi đã di tản chiến thuật bằng con đường máu ở mặt trận Hạ Lào 1971, đã rời bỏ Đông Hà, Quảng Trị dọc đại lộ kinh hoàng mùa hè đỏ lửa năm 1972. Với nguy hiểm cùng cực, nhưng tinh thần đâu có quá tuyệt vọng như bây giờ, vì dù sao cũng còn chút gì để hy vọng ở đoàn quân tiếp tế phía sau. Còn ở đây rơi vào tình thế vô cùng tuyệt vọng. Cả nguyên Lữ Đoàn có hơn 3000 quân, tiến thoái lưỡng nan trong cái túi càn khôn chỉ hơn vện 4 km vuông, đang giờ lưng chịu trận.

Tàu chiến Hải Quân QLVNCH vẫn trưng cờ lảng vảng ngoài khơi, nhưng các khẩu đại bác đâu rồi?! Niềm hy vọng mong manh còn nhen nhóm là sẽ được tàu vào đón, nhưng sẽ ưu tiên theo thứ tự nào? Đơn vị nào sẽ phải nằm lại chịu trận và làm vật hy sinh sau cùng? Bóng chiều bắt đầu trải dài trên bãi cát trắng xóa mênh mông để báo hiệu màn đêm buông xuống. Lữ Đoàn quyết định rải quân phòng thủ. Tiểu Đoàn 4 và 7 phụ trách mặt trận Tây, Tiểu Đoàn 3 phía Nam, Tiểu Đoàn 5 chúng tôi phía Bắc. Đại Úy Tô Thanh Chiêu, Đại Đội

Trưởng Đại Đội 2 và Thiếu Tá Nguyễn Trí Nam Tiểu Đoàn Phó Tiểu Đoàn 4 TQLC đã hy sinh trong giờ phút thứ 25 này cùng một loạt đạn của tên du kích hèn nhát bắn lên trong khi làm nhiệm vụ điều động quân rải tuyến. Điều đáng thương tâm nhất là hai người vừa mới lập gia đình và bà vợ Chiêu đang mang thai. Cái chết thật quái ác, tình cờ bởi bàn tay oan nghiệt của tạo hóa, định mệnh!

Tin từ Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn cho biết là tàu sẽ vào đón đêm nay hay trễ nhất là sáng sớm ngày mai theo thứ tự như sau: Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn. Các Tiểu Đoàn 2 Pháo Binh, 4, 3, 5, 7,... 4... Đúng theo sự suy nghĩ dự đoán của chúng tôi, lẽ dĩ nhiên các đơn vị tan hàng hay bị sút mẻ không còn khả năng chiến đấu thì ưu tiên mang họ đi càng sớm càng tốt để không làm vướng bận các đơn vị còn lại. Nhưng cả Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn đi hết thì ai sẽ là người chỉ huy chúng tôi. Điều này thật cần thiết và quan trọng nhất. Cái thứ tự di chuyển mà không một binh thư nào viết ra, hoặc chúng tôi chưa hề áp dụng trước đây.

Qua ánh trăng mờ ảo, dòng người bị bỏ lại ban chiều đang ò ạt kéo về tuyến phòng thủ. Không còn cách gì hơn là phải chặn họ lại nằm sát phòng tuyến trong tầm bảo vệ hỏa lực để khỏi làm xáo trộn cho việc điều động chỉ huy của quân bạn bên trong. Súng vẫn nổ đều khắp nơi và chẳng có con tàu nào cập bến. Trăng vẫn lên cao, khuya dần. Cùng lúc, vài tốp người xé lẻ, hèn nhát tách bến rã ngũ ra khơi.

Rạng sáng ngày 26/3/75, khi ánh bình minh vừa ló dạng ở phương Đông thì con tàu cùng thủy thủ đoàn cũng bắt đầu tiếp tục nhiệm vụ, ủi thẳng vào bờ theo sự điều động của Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn. Đã có chuẩn bị sắp xếp từ trước, nên việc di chuyển lần này tương đối trật tự hơn. Ưu tiên vẫn là Bộ Chỉ Huy Lữ Đoàn và các thương phế binh từ các đơn vị mang đến.

Địch thừa thắng xông lên cố ra sức đánh vào đầu chúng tôi những đòn thù chí tử. Đây là điều nghiệt ngã nhất của

chiến tranh, có vay có trả. Chúng tôi đã diệt gọn nguyên Trung Đoàn 48 địch một cách không thương tiếc khi quét sạch chúng ra khỏi hang cuối cùng tại cở thành Quảng Trị. Những vòng sắt oan nghiệt của đoàn chiến xa M48 và M41 đã nghiền nát vô số lính Cộng Sản Bắc Việt, sinh Bắc tử Nam, qua các dãy địa đạo ngầm trong hầm khi tấn công tiến vào cửa Việt. Pháo địch cùng lúc càng mãnh liệt hơn và chiếc tàu nằm chình ình giữa biển khơi vẫn là mục tiêu tốt nhất để chúng điều chỉnh tác xạ ngắn, dài... Một cục lửa, hai cục lửa, rồi quá nhiều cục lửa của loại hỏa tiễn tầm nhiệt AT3 rải rác đó đây. Có cái rớt ngay dòng người di tản ngụp lặn theo sóng nước. Có cái trúng thẳng vào thân tàu. Con tàu chòng chành nhỏ neo tách bến.

Để bớt căng thẳng, tôi chui ra khỏi hố trú ẩn làm một vòng quanh tuyến. Những vệt sáng của lần đạn đạo thẳng cùng nhiều quả đạn pháo kích đan chéo nhau vì vút trong gió biển. Các khẩu súng cối 60 ly và phóng lựu M79 của ta đáp lễ cảm chừng, không khả năng nhiều lắm nhưng cũng để chứng minh rằng “bên em vẫn đang có ta đây!” Dọc theo mé nước sát biển, thầy trò Thiếu Tá Võ Đăng Phương, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Pháo Binh TQLC, Đại Úy Lê Tự Hào cùng một vài người lính đang gấp rút sử dụng các mũ sắt của mình để cào cào moi hố. Họ là những người sau cùng bị sót lại khi hầu hết đơn vị mình đã được lên tàu.

- 207 đây 416 gọi. Anh ở lại take care con cái.

- Vàng! Nhận rõ.

(207 là biệt hiệu của Thiếu Tá Phạm Cang - Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 7 TQLC, người thâm niên và giỏi nhất trong đoàn bạn tôi. Còn 416 là danh xưng của Trung Tá Nguyễn Đăng Tổng - Lữ Đoàn Phó Lữ Đoàn 147.)

Nắng chiều nhạt dần, sóng biển rì rào và bờ cát lại trông vắng đến lạnh lùng, không còn một bóng người lai vãng. Họ đang chiến đấu ở tuyến đầu. Họ tránh núp đạn dưới hố sâu. Họ hồi tiếc, thềm thường về một con tàu khác. Các đại đội

lại thêm một số bị thương, lại thêm vài người chết nữa. Đạn dược, lương thực cạn dần trong khi chúng tôi cố hết sức giữ vững tinh thần binh sĩ bằng cách liên lạc máy thường xuyên với các đại đội. Cảm giác bị vất bỏ bắt đầu nhen nhúm trong ý nghĩ mình, nhưng tôi vẫn chưa dám tin rằng điều này có thật, vì nếu như vậy thì còn thể thống gì đến quân đội và tổ quốc mà biết bao người đã hết lòng yêu thương và phục vụ. Mò mẫm vào cuốn đặc lệnh truyền tin, tôi vận máy qua tầng số Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn đang ở đâu trên đèo Hải Vân, với trạm liên lạc chuyển tiếp giữa Huế và Đà Nẵng. Người tiếp tôi là Đ/U Đan, Tùy Viên Tư Lệnh:

- Đại Dương, cho tôi xin gặp Lạng Sơn (*biệt danh của Thiếu Tướng Bùi Thế Lân, Tư Lệnh Sư Đoàn TQLC*).

- Lạng Sơn đang bận lắm. Có gì ông anh nói, tôi sẽ chuyển.

- Nhờ Đại Dương trình với Lạng Sơn cho chúng tôi lệnh kế tiếp.

- Ở đây cũng đang lu bù lắm, không ai có thể giúp gì được cho ông anh. Tốt hơn hết là self-service. Good luck ông anh!

Mặt mày tôi tăm, xây xẩm, thất vọng, tôi ném ống liên hợp xuống cát... self service... Có nghĩa là tự lực cánh sinh, tùy cơ ứng biến, có thể là mạnh ai nấy lo, có thể là tan hàng!

Khoảng quá xế trưa, mặt trời Papazulu lại xuất hiện bằng một giọng thật đanh thép. Ông ra lệnh cho một chiếc HQ khác, bằng bất cứ giá nào cũng phải bốc tiếp chúng tôi. Con tàu lại tách sóng hướng thẳng vào bờ phía Bắc tuyến phòng thủ chừng 200m. Lần này, Tiểu Đoàn 4 sẽ lên tàu dưới sự sắp xếp chỉ huy của Thiếu Tá Đinh Long Thành, tân tiểu đoàn trưởng của đơn vị này.

Bất kể là đơn vị nào, bất cứ là ưu tiên cho ai, thật nhiều đám người từ mọi hướng đổ ập về đây tràn xuống như thác lũ. Con tàu quá tải trôi trên mặt nước, chân vịt ngưng quay nằm bất động vì máy đã hỏng rồi. Lại thêm một đêm nữa rồi sẽ đến với tình thế mỗi lúc một tồi tệ hơn. Phải quyết định

ngay bây giờ, nhưng giải quyết bằng cách nào đây?

Tôi gọi Hạ Sĩ Nhất Lê Hồng Quảng Nam, người cận vệ thân tín nhất đến. Sau khi đã cạo nhẵn bộ râu của mình, chính nhờ nó mà tôi đã ăn nên làm ra trong đời binh nghiệp và được giấy phép của Bộ Tổng Tham Mưu cấp hẳn hoi với lý do: “Uy tín cấp chỉ huy”, tôi nói:

- Anh chuẩn bị cho tôi một ít nước uống và vài gạo sấy để phòng thân.

Nam do dự mếu máo:

- Ông thầy đừng bỏ tụi em, có gì cho tụi em theo với. Thuận, Thành hai hiệu thính viên cũng oà lên khóc.

- Yên trí, thầy trò mình sẽ sống chết có nhau mà.

Đầu óc tôi cứ mãi bị ám ảnh bởi lời đề nghị của Đại Úy Đan là ông anh nên “self service”. Nhưng chuyện này cũng có năm, bảy cách khác nhau. Hãy tìm một vài người lính thật khỏe mạnh, bơi nhà nghề, mà phải là dân chuyên đi biển ở Nha Trang hay Phan Thiết, mò vào nhà dân hay dọc theo mé nước, tìm sẵn một chiếc ghe thật tốt, chuẩn bị sẵn sàng, thừa nước đục thả câu sẽ cùng bỏ trốn như loài chuột. Nhưng cũng chẳng phải dễ dàng lắm đâu! Chúng tôi sẽ bị bắn chết bởi đồng đội trước khi nạp mình cho bầy cá mập. Hay là tuyên bố hoạch toẹt rõ ràng, đơn vị tan hàng, mạnh ai nấy lo, đâu phải lỗi ở mình.

Điều này quá trắng trợn và trắng trợn, chẳng còn tình nghĩa gì. Nếu còn sống làm sao dám nhìn lại mặt nhau như Hai Chồn, Pake, Loan Mắt Nhung (23), Chạnh Trọc (23), Ba Ngành, các đại đội trưởng lì lợm, nhậu rượu như uống nước mà đánh giặc rất chí tình. Tôi liên lạc máy với Thiếu Tá Cang - Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 7, cùng Thiếu Tá Sử - Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 3. Chúng tôi cùng đồng ý với nhau là chẳng còn cách nào khác hơn, mở đường máu xuôi Nam về cửa biển Tư Hiền. Còn nước, còn tát.

Nói là mở đường máu chứ thực ra chỉ là cách thôi thác cho một việc tan hàng, đường về bít lối, vì nếu có trầy da tróc vảy đến nơi thì cũng chỉ là vùng trời mây nước mênh mông, ngòi đò chờ nộp thịt cho chằng. Di chuyển cũng theo thứ tự lớp lang, nhưng đội hình chẳng còn. Sức mòn, lực kiệt, súng cầm tay, tinh thần đã mất, đạn dược cũng không, cứ nhắm mắt nhắm mũi mà chạy 1, 2, 3, 4... 1, 2, 3, 4 “đường trường xa con chó nó tha con mèo....”, càng xa địch bao nhiêu càng tốt.



Một đơn vị TQLC đang chờ tại bãi biển Tiên Sa Đà Nẵng, vào tháng 3/ 1975.

Nhiều tiếng nổ chát chúa phía sau, cửa địch thì ít mà cửa ta thì nhiều. Những người lính bị thương không còn khả năng theo kịp đoàn quân, bò lết lại với nhau, bung chốt lựu đạn nổ để “thà chết vinh, còn hơn sống nhục”. Đứa con đầu của Tiểu Đoàn 3 Sói Biển đang bị một đại đội du kích chặn lại, phía trước ủa về, ở sau đùn tới, vô vọng, tuyệt vọng, chưa bao giờ tôi cảm thấy thèm sự sống bằng lúc này, miệng luôn luôn lầm bầm xin Phật Trời gia hộ “cùng tác biến, biến tác thông”.

Nhóm chúng tôi gồm năm người tấp vào xóm dân chài, hy vọng sẽ được giúp đỡ bởi tình quân dân cá nước ngày nào, nhưng hiện tại quân đã tan thì tình cũng chẳng còn. Mặc dầu đã cố gắng nài nỉ hết sức kể cả tiền bạc thuê mướn, nhưng họ đã từ chối thẳng thừng. Chủ nghe là gã trung niên lực lưỡng,

mặt rõ hoa mè chắc là tên Việt cộng nằm vùng hay du kích gì đó. Thôi thì “tam thập lục kế”, kê súng vào đầu dọa nạt là thượng sách nhất.

Đây là lần thứ hai tôi chạy giặc, lúc nhỏ vào lúc 5 tuổi theo mẹ trốn vào rẫy mỗi lần “mới sớm mai thằng Tây nó bỏ vào rừng ta quyết trốn”. Và bây giờ sau 26 năm khi đã trưởng thành trong quân ngũ... vẫn còn súng đạn trong tay cùng những chiến hữu bạn bè, tôi phải chạy trốn giặc cộng, thằng chủ nghe đang ngồi với tôi bây giờ là một tên VC chín rở mười, hấn phá máy cho ghe ngừng, hấn làm dấu chỉ điểm mỗi lần kê sát ghe địch. Nhiều người dọa đánh hấn tại chỗ, tôi ngăn không cho, chuyện gì rồi cũng phải tính đường về, nếu nhớ thì sao!

Chỉ vòn vẹn mấy ngày phù du mà bao điều biến đổi dồn dập bất ngờ, không biết số phận của tôi và bao nhiêu người khác nữa rồi sẽ ra sao khi ánh bình minh của một ngày mới xuất hiện, Hy vọng sống còn chỉ là việc hiếm mọn nhỏ nhoi trong cái chết xảy đến mới là điều chắc chắn.

Tờ mờ sáng hôm sau, sau khi đã cạn hết nhiên liệu, chiếc ghe đành nằm chênh vênh trên mặt nước mênh mông vùng cửa biển Tư Hiền, giữa rừng cò giặc. Xa xa là những dãy núi chập chờn xanh thẫm của đỉnh đèo Hải Vân như réo gọi, mời mọc, thềm thuồng, tiếc rẻ. Và như số phận đã an bài, nhưng rồi cũng có lúc “chí tuy còn mong tiến bước mà sức không kham nổi đoạn đường dài, sự nghiệp bao năm đeo đuổi thôi cũng đành gián đoạn từ đây... Bởi đâu? Do đâu? Vì đâu ...”.

Giã từ vũ khí, ném súng xuống dòng sông định mệnh, ngồi chờ địch đến đòi đời lịch sử sang trang. Chúng tôi bị trói tay lùa lên bờ. Chúng tôi bị “giải phóng” tất cả quần áo, đồng hồ, dây chuyền, đồ đạc. Một vài người bị dẫn đi xử bắn dã man. Chúng tôi bị xỉ vả, đấu tố làm tay sai cho đế quốc. Chúng tôi không còn là chúng tôi nữa, chỉ vì chúng tôi là chiến sĩ QLVNCH bảo vệ miền Nam Tự Do, bị bỏ rơi lại phía sau thề

sống chết thủy chung và chiến đấu hết mình.

Cuộc đời tù đầy của vài ngàn quân cũng bắt đầu từ cái ngày đáng nhớ ấy... 27/3/75 tại một địa danh nhỏ, hẻo lánh, quen thuộc: Thôn Vĩnh Lộc, Thừa Thiên, Huế ngay trên tổ quốc thân yêu của chúng ta...



Nhớ Về Trường Mẹ

Lạc Minh Châu, K22

Nhớ về trường mẹ năm nào
Alpha cài áo hoa đào thắm tươi
Trên môi tô điểm nụ cười
Thời gian huấn luyện thân người khoẻ ra.

*Mong sao giúp ích quê nhà
Cuộc đời trai trẻ không là của ta
Đâu màng vàng bạc lụa là
Thân này dãi nắng phong ba cũng đành.*

Nền trời trong vắt màu xanh
Gió Xuân lay động lá cành hàng thông
Ước ao tràn ngập trong lòng
Mong ngày thoả chí tang bồng thân trai.

ANH KHÔNG VỀ THỦ ĐÔ

Bichson, K26

Bình Tuy (*BU - mã số dành cho bảng số xe*) là một tỉnh nằm sát biển, giữa Bình Thuận và Phước Tuy, lập ra từ thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào cuối thập niên 50. Dân địa phương ít, tản mát, hợp với số dân từ Miền Bắc di cư sau 1954 và các người Miền Trung như Quảng Trị, Quảng Ngãi tạo nên nhiều làng mạc hiền hoà và thanh bình. Tỉnh lỵ là Hàm Tân (*tên của quận*) nhưng thực tế thu gọn tại thị trấn La Gi. Trước năm 1975 phần lớn học sinh trung học phải ra thi Tú Tài 2 tại Phan Thiết, và lịch sử TVBQGVN chỉ mới thu nhận được một SVSQ vào Khóa 30.

Sau 4 ngày 3 đêm trên sóng nước, chiều 1 tháng 4/ 1975 chiếc Dương Vận Hạm HQ 501 Đà Nẵng neo cách bờ biển Hàm Tân vài ba trăm thước để đổ bộ quân và dân từ Cù Lao Ré (*Quảng Ngãi*) xuống Hàng Dương. Ước lượng khoảng 5000 người và một chiếc trực thăng. Ba phần tư là quân nhân được lệnh phải lên bờ, và chiếc hạm sẽ ra khơi xuôi Nam. Chuẩn Tướng Trần Văn Nhựt, Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh kiêm Tư Lệnh Chiến Trường Bình Tuy kêu gọi các đơn vị trong khu vực chinh đồn hàng ngũ, củng cố vị trí phòng thủ, sẵn sàng nghênh địch.

Trung Đoàn 4 Bộ Binh được điều động ra trấn giữ vùng

Suối Đó và phi trường dọc theo Tỉnh Lộ 2B. Con đường này dài 23 cây số kể từ ngã ba nối Quốc Lộ 1 đi vào khu phố. VC đã cắt đứt quốc lộ tại Rừng Lá, cách Ngã Ba chừng 25 cây số về phía Tây, gần đó có Núi Mây Tào (*cao điểm 704 m là đỉnh giáp ranh giữa 3 tỉnh Long Khánh, Phước Tuy và Bình Tuy*). Đoàn người di tản từ vùng cao nguyên Pleiku, Darlac và duyên hải Qui Nhơn, Nha Trang, thuộc Quân Khu 2 đổ dồn về Hàm Tân, như một cái rọ.

Tiểu Đoàn 1/4 thường được lãnh nhiệm vụ đi đầu và cản hậu cho cả sư đoàn. Tháng 2/75 đã rút về sau chốt ở Mộ Đức - Nghĩa Hành, rồi cuối Tháng 3 tại Tam Kỳ, Chu Lai và Cù Lao Ré, giờ thì trấn đóng vòng đai tinh lý ở bên ngoài đầu cầu của Phân Chi Khu Bà Giêng. Các quân nhân lẻ tẻ thuộc mọi ban ngành, binh chủng, đã được bổ sung vào Sư Đoàn 2 BB, phần lớn chỉ trang bị súng cá nhân M16. Cơm gạo không được tiếp tế, súng cộng đồng chưa có, lựu đạn đều đã bị tịch thu khi bước lên tàu.

Sư Đoàn 2 BB tái tổ chức thành 2 Trung Đoàn 5 và 4, mỗi trung đoàn chỉ có hai tiểu đoàn mà thôi. Đêm 1 rạng 2 tháng 4 các trung đội Nghĩa Quân quanh Núi Nhọn (569 m) giao tranh dữ dội với địch qua sự điều động của một thiếu úy Phân Chi Khu Trưởng. Ngày 2/4, khu vực Bà Giêng do Tiểu Đoàn 1/4 trách nhiệm làm nút chặn với hai chiếc M113 tăng phái nằm bên trong con suối. Về phía Tây Bắc, một đại đội thuộc Sư Đoàn 18 BB do Trung Úy Đỗ Viết Toán (*K25 Đà Lạt*) chỉ huy đang đụng địch, đánh giặc thoải mái như thao dượt ở quân trường.

Sáng sớm ngày 3/4, Đại Đội 2 của Trung Úy Nguyễn Hạnh Phúc (*K24 Đà Lạt*) chuẩn bị đón chào đoàn người từ Phan Thiết chạy vào, trên 60 cây số dưới làn đạn pháo của địch quân. Đoàn di tản trong đó có TVBQGVN và các đơn vị Biệt Động Quân đã búng sạch các chốt nhỏ. Xe cộ, bồng bể chen chặt cả con đường. Xế chiều, Tiểu Đoàn 1/4 nhận lệnh di chuyển vào phi trường, bàn giao vị trí cho Trung Đoàn 40 thuộc Sư

Đoàn 22 BB. Đại Tá Trương Đăng Liêm, Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 4 BB ra lệnh giải tán Tiểu Đoàn 1/4, và mỗi người được 1000 đồng (tương đương 1 ngày lương hay 3 gói thuốc capstan). Tiểu Đoàn 1/4, KBC 4814, xóa tên từ đó.

Đề ý những trận chiến khốc liệt trong quân sử với màn kết thúc thường diễn ra trong vòng tám tuần chung cuộc (*trừ An Lộc, Quảng Trị mà chiến thắng cuối cùng là các đơn vị của VNCH*). Từ Pleiku, Ban Mê Thuột, Đà Nẵng di tản, đến Phan Rang, Xuân Lộc thất thủ, quân dân VNCH không khờ đến độ không biết nước sẽ mất vào tay CS. Dân chúng các tỉnh miền Trung và Miền Đông tràn ngập tại các khu vực Vũng Tàu, Biên Hoà, Thủ Đức, và ven đô Sài Gòn. Một số thương gia, quan chức tính kế ra nước ngoài hay liệu bề rời nhiệm sở. Riêng phần lớn lính chiến vẫn tuân hành quân luật, gắn bó với đơn vị, tay súng, vai ba lô với chiếc võng kèm vài bịch gạo sấy và bình bi đông nước lạnh.

- Mẹ Việt Nam ơi, chúng con vẫn còn đây...

Tiếng ca thánh thót vang lên trong một khoảnh khắc, nơi Anh Hùng nghỉ trưa giữa Tháng Tư nắng cháy qua một ngày thiêu nguyện, giúp đào giếng để các khu tạm cư có nước xài. Các cô thì cắt tóc, nấu nướng, may vá và phân phát những quần áo tương đối lành lặn hơn cho dân chạy loạn. Đó là tấm lòng của tầng lớp trẻ, thanh thiếu niên sinh viên, học sinh thời Miền Nam yên bình.

Tuần chót của Tháng 4/1975 dồn dập những biến chuyển bất lợi cho việc bảo vệ Sài Gòn. Các lực lượng thuộc Quân Đoàn III Quân Khu 3, và Thủy Quân Lục Chiến phòng thủ mặt Long Bình, Thủ Đức. Sư Đoàn 22 BB án ngữ phía Long An trong khi áp lực của địch quân từ Tây Ninh, Hậu Nghĩa đè nặng lên Sư Đoàn 25 BB và các đơn vị địa phương về hướng Bắc thủ đô. Vài biệt đội Biệt Cách Dù trấn đóng quanh Bộ Tổng Tham Mưu, Biệt Động Quân trừ bị tại sân vận động Cộng Hoà, và hai Lữ Đoàn 4, Lữ Đoàn 3 Dù phòng thủ tại

nhiều khu vực, xa nhất là khu vực Quán Tre, gần là Dinh Độc Lập.

Các SVSQ của hai Khóa 28, 29 TVBQGVN xung trận, gấn một mai đen nóng hổi với bài Xuất Quân trong lúc đầu sôi lửa bỏng. Gần 550 thiếu úy, vừa mới mãn khóa được chín ngày, chưa có ngày phép sau khi tốt nghiệp, đã tham dự một số trận đánh. Hãy xem khoảng 250 sĩ quan, thất lạc đơn vị trước đây, tình nguyện vào Biệt Cách 81 Nhảy Dù, TQLC, Nhảy Dù qua các trạm tuyển mộ ở gần Ngã Sáu Trần Quốc Toản - Lê Văn Duyệt, và hằng chục ngàn quân nhân các cấp tản lạc tìm về đơn vị cũ, tiếp tục chuyên binh đao.

Thế mà năm bảy năm về sau, thấy có câu “Lữ Đoàn 3 Dù đã tan hàng từ lâu” trong một trang sách viết về cuộc lui binh tại Khánh Dương trên Quốc Lộ 21. Điều đó không đúng. Lữ Đoàn 3 Dù với các Tiểu Đoàn 2, 5, 6, 18 vẫn có mặt tại Sài Gòn đến giờ phút cuối. Tiểu Đoàn 6 căng võng trong Vườn Tao Đàn, Tiểu Đoàn 5 và 2 ứng chiến trong trại Hoàng Hoa Thám. Tối 26/4, vài bàn nhậu đơn sơ chia tay tại Chợ Dù giữa kẻ ở người đi. Cổng C phía sau Tiểu Đoàn 2 Dù mở hé đủ để các gia đình trong trại gia binh tùy nghi.



Một môi và cô đơn, người lính này đang nghĩ gì vào cuối tháng Tư, 1975.

Tiểu Đoàn 2 Dù xuất quân chiều 27/4, phòng thủ quanh Cầu Tham Lương, Quốc Lộ 1, hướng Tây Bắc đi về Tây Ninh. Đại Đội 21, 23 rải tuyến trong các thôn xóm về phía Tây cách Quốc Lộ 1 vài cây số. Đại Đội 24 đóng bên ngoài cầu, Đại Đội 20 bên trong con rạch, tại Tái Thành Kỹ Nghệ Dệt. Sâu vài trăm thước về mặt Bà Quẹo là Đại Đội 22 tử thủ ở hăng dệt Vinatexco. Cánh phải có các Tiểu

Đoàn 12, 15 Dù trải vòng cung về mặt Bắc.

Sau những trái bom của bọn phản loạn dùng F-5 thả vào Phi Trường Tân Sơn Nhất và vài cuộc họp ở Bộ Tổng Tham Muu vào chiều 28/4, các đơn vị chủ lực cấp lữ đoàn gần như tự do quyết định vận mạng binh sĩ dưới quyền. Điều đó cũng ngầm hiểu rằng sẽ không còn phi cơ, pháo binh yểm trợ hỏa lực, sẽ không ai tàn thương hay tiếp tế súng đạn, lương khô.

Không khó hiểu về sự vắng lặng trên Quốc Lộ 1, khu vực Cầu Tham Lương vào xế chiều 29/4. Đằng trước vòng kềm gai do Đại Đội 20 Dù kiểm soát tiếp tục vun cao thành một ụ súng đạn của bất cứ ai muốn vào thành phố. Đến khoảng 4 giờ, Đại Đội 24 và 20 trực diện giao chiến với CS dưới tầm pháo của địch quân. Vài chiếc xe tăng T-54 bị bắn cháy trước khi qua cầu, Đại Đội 24 tản lạc sau nửa giờ cầm cự. Thiếu Úy Kỳ, Thiếu Úy Tuấn cùng khoảng 20 người thuộc Đại Đội 24 kể cả hai anh lính của Biệt Cách Dù được Ban 2 chờ sẵn, băng ngang các vườn khô về hướng Tây Bắc để bắt tay với các Đại Đội 21, 23.

Trời tối hẳn. Đêm trời nổi giông và cơn mưa rào lớn át hẳn tiếng pháo kích của Cộng quân kéo dài đến khoảng 10 giờ khuya. Tiểu Đoàn 2 Dù quyết định rút về vùng Chợ Lớn, Đại Úy Chánh - Trưởng Ban 3 và một số khác bị thương được phép tìm ra đường lộ. Ban 2 dẫn đầu tiểu đoàn men theo các bờ mương ven xóm hướng về phía Phú Thọ Hòa, vượt qua nhiều chốt chặn của Nhân Dân Tự Vệ và nhiều cơ sở khác.

Qua đường dây điện thoại của Cuộc Cảnh Sát khu Cư Xá Lữ Gia, lúc hai giờ khuya Biệt Khu Thủ Đô gửi sáu chiếc GMC tới bốc Tiểu Đoàn 2 Dù qua hai đợt, đến phòng thủ tại khu vực Ngã Ba Ông Tạ. Trại Nguyễn Trung Hiếu (*hậu cứ Tiểu Đoàn 1 Dù kế cận*) đem hết đạn M -16, lựu đạn, ống phóng M -72 cho mượn. Hướng về Bệnh Viện Vì Dân trên đường Lê Văn Duyệt, bên trái là Đại Đội 21, bên phải có Đại Đội 23, còn Đại Đội 20 mới (*bao gồm Đại Đội 24 và 22 tản lạc*) án ngữ ngay

Ngã Ba Bắc Hải, có hai chiếc M-41 tăng cường.

Trong đêm 29/4 tuyến Bà Quẹo đã bị chọc thủng, Tiểu Đoàn 6 Dù từ Dinh Độc Lập ra tiếp ứng tại khu vực Bảy Hiền, súng nổ suốt từ khuya tới sáng. Riêng Tiểu Đoàn 2 Dù còn khoảng 300 quân. Nhà Văn Phan Nhật Nam với chiếc xe đạp, len lỏi vào đám đông dân chúng xuôi ngược trên đường. Chiếc radio phát ra bản văn kêu gọi quân nhân các cấp buông súng đầu hàng của Tổng Thống Dương Văn Minh vào khoảng quá chín giờ sáng Thứ Tư 30/4/1975. Vứt súng thì được, bàn giao thì không!

- Ông Hạnh đâu?

- Vừa ra khỏi đây sau khi cho anh em tan hàng.

Toán Chỉ Huy của Tiểu Đoàn 6 Dù đã lui dần vào trung tâm thành phố, gặp Tiểu Đoàn 2 gần Cổng Bà Xếp, ga xe lửa. Không có tiếng còi và con tàu nào tiễn biệt, ai với ai. Chiếc nón vải bo tròn với bằng dù phía trước được móc vào vòng kềm gai đầu đó, vài tiếng chào từ già của đồng đội. Thăng Vên, Trung Sĩ Luân, Thiếu Úy Quốc (K27), Thiếu Úy Tuấn (K29) thần thờ trên các con đường Hoàng Đạo, Hiền Vương.

Thiếu Tá Trần Công Hạnh, Tiểu Đoàn Trưởng Tiểu Đoàn 2 Nhảy Dù, một tài năng trẻ cùng thuộc cấp đã đánh trận cuối trong những ngày tàn cuộc chiến tại vòng đai Thủ Đô Sài Gòn với câu nói đáng nhớ:

- **“Làm sao tôi có thể bỏ rơi anh em đây.”**

ĐƯỜNG VỀ QUÊ

Bích Lan, K 19/1

Có câu rằng” Thuyền theo lái, gái theo chồng.”

Chúng tôi gặp nhau qua một người bạn của anh trai tôi dẫn anh đến nhà tôi chơi, chúng tôi quen nhau được 3 năm. Tôi là người Huế, anh Bắc Kỳ, nên lúc đầu cũng nhiều trở ngại trên nẻo đường tình. Bên họ hàng anh là Bắc thứ thiệt, Bắc Vườn Xoài, Bùi Phát. Anh di cư vào Nam không cha mẹ, anh em, chỉ ở với các chú, các cô. Các ông bà lại muốn cho cháu mình lấy gái Bắc, nên anh phải năn nỉ các ông bà nhiều lắm mới được sự đồng ý của các ông bà cho cưới cô gái Huế.



Mới quen nhau, anh nói với tôi, anh không có cha mẹ, tưởng không phải làm dâu. Nhưng khi cưới xong, tôi lại có ba bà mẹ chồng là hai bà cô và một bà thím; hai ông bố chồng là một ông chú rể, một ông là chú ruột.

Sau đám cưới anh chỉ được ở nhà bốn ngày, rồi anh lại đi. Nửa tháng, một tháng, có khi hai - ba tháng anh mới về. Tôi ở nhà với bà cô và ông chú rể.

Tôi phải đi từng nhà gom tư trang của anh. Nhà chú thím Nhâm vài bộ quần áo civil, nhà chú cô Điền mấy bộ đồ lính,

nhà cô Nghinh vài cái quần, đôi giày, vài đôi vớ. Nhưng tôi cũng được vinh dự và hãnh diện là tới đâu, gặp ai cũng nói về anh, ai cũng thương mến anh, nói rằng anh hiền lành, đạo đức và nhất là học giỏi.

Lấy chồng khi tôi 20 tuổi, theo đạo chồng, lúc quen anh tôi được những người quen biết anh, như các sĩ quan huấn luyện ở Trung Tâm Huấn Luyện Vạn Kiếp, Bà Rịa, khen anh là sĩ quan giỏi khi đơn vị anh về thụ huấn. Từ những ngày mới quen, biết anh là người Công Giáo, tôi một mình một bóng đã tự nguyện đi dự lễ ngày Chủ Nhật, thậm nghĩ rằng tôi đã là con của Chúa

Không có anh ở nhà, bữa cơm tôi ngồi xới cơm, bà cô và mấy đứa em đưa chén cho chị dâu đơm cơm liên tục. Ông chú rầy mấy đứa em:

- Các con để chị ăn cơm.

Có lần tôi phụ nhóm bếp lửa than, mãi không được, lửa không cháy, khói bay cay mắt, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng, tôi vội đổ nước vào lò để cho khói khói, rồi ngồi sụt sùi. Ông chú từ trên cầu thang bước xuống, nhìn tôi cười nhẹ và nói:

- Để đó chú làm cho.

Mấy ngày sau, khi ông đi làm về ông mang về cái nồi cơm điện. Từ đó trong nhà chỉ xài bếp dầu và bếp điện.

Ông đã thương tôi, coi tôi là con dâu cả. Đến bây giờ đã bao năm tôi vẫn kính trọng ông là cha chồng, các em cũng vẫn gọi tôi là chị cả.

Tôi có thai cháu đầu, những bữa cơm chiều ông chia cho tôi nửa lon bia, bảo rằng để cho con có sức khỏe...

Khi đi lễ tôi mặc áo đầm, bà cô rầy rà, ông chú bênh tôi. Ông nói:

- Bây giờ nó là vợ ông này, bà nọ phải ăn mặc cho sang trọng, chứ có phải là nhà quê như mấy bà già trầu nữa đâu. Cứ

để cho chúng nó thoải mái.

Các cô em chồng thì vỗ tay hoan hô, chị đã làm cách mạng. Khi anh không có ở nhà, chị em chúng tôi rất là tâm đầu ý hợp. Tôi thường dẫn các em chồng ra rạp hát Minh Châu ngồi ăn khuya. Mỗi lần ông bà thấy chị em tôi đi thì nhắc nhở là nơi đó phức tạp, chúng tôi chống chế là đi ăn để học mà làm.

Sau khi có đứa con thứ hai, thì chúng tôi ra ở riêng. Những ngày lễ Tết chúng tôi vẫn về ở với ông bà, ngay cả khi chồng tôi đi tù suốt 13 năm mẹ con tôi cũng cứ giữ tục lệ đó. Ông bà chờ mẹ con tôi về, ôm các cháu vào lòng rồi mới đốt pháo mừng Xuân. Khi chồng tôi đi tù về, gia đình tôi vẫn cứ sáng mùng Một Tết về chúc tuổi ông bà thật sớm kéo ông bà chờ.

Năm 1976 khi chồng tôi bị chuyển trại ra Bắc, bố chồng tôi từ Bắc vào Nam thăm mẹ con tôi. Đó là lần đầu tiên ông nhìn thấy con dâu và ba đứa cháu nội. Chồng tôi rời quê từ 10 tuổi, mộ phần tư thế kỷ cha con không gặp nhau, bây giờ lại thấy dâu và cháu, ông cũng ở với mẹ con tôi cả tháng. Ông à ơi ru cháu ngủ, săn sóc cháu để tôi nương náu với cuộc sống ở lẻ đường, đêm khuya mới về. Có khi buồn chuyến đường xa, một hay hai ngày tôi mới có mặt ở nhà. Ông chỉ ở với mẹ con tôi, ai mời ông cũng không chịu đi. Khi ông về lại Bắc thì bố mẹ chồng tôi đi thăm chồng tôi trước tôi tại trại Tân Lập đầu năm 1979 khi tù “cải tạo” chuyển về công an quản chế.

Chú chồng tôi ở Vườn Xoài, ông nội mấy cháu ở Mưỡu Giáp khéo cột chân con dâu bằng sợi giây thiêng liêng. Các ông đã cột con dâu bằng tình thương yêu đó.

Hai chữ Vườn Xoài, sau này gốc gác là một làng rất xa lạ đối với tôi, đó là làng Mưỡu Giáp, huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình lại trở nên một nơi tôi đã nhiều lần được sống với tình thương và những niềm vui. Một nơi mà trong thâm tâm tôi coi đó là quê hương.

Lần đầu tiên về quê chồng, đó là năm 1979, tôi ra Bắc với ý định về quê rồi cùng bố mẹ chồng vào trại tù thăm anh. Khi

đến bên xe Kim Liên tôi đã bị kẻ cắp lấy mất hết tiền bạc, giấy tờ, sau khi trình báo với đồn công an, cầm tờ giấy có mất mà không biết phải làm sao. Lúc đó, tôi đến làm quen và kể rõ sự tình với một bác, bác cho biết là người cùng làng, biết cha mẹ chồng tôi, còn là họ hàng với cha mẹ chồng tôi, nên bác đã bao bọc và đưa tôi về tới làng. Xuống xe đầu làng, tôi đã gặp ngay chú em con bà cô trông rất giống chồng tôi. Chú đã chở giúp mấy gói quà. Hai chị em đi bộ về nhà, bà con trong làng túa ra chào hỏi. Các em nhỏ thật lễ phép chào chị, không như trẻ con ở bến xe Kim Liên đã xô đẩy tôi để lấy hết tiền bạc của tôi. Ở nhà cha mẹ chồng, tôi được tiếp đón thật là đầm ấm để bù lại những khổ cực trên đường đi.

Cả buổi chiều, và cho tận tới khuya bà con đầy nhà, một là hỏi thăm tin tức về cuộc sống miền Nam và có lẽ là để coi mặt cháu dâu, cô gái Huế nói tiếng trọ trọ từ đâu đó mà ra đây nhận quê hương. Chỉ vài gói kẹo, mấy miếng trà tôi đã được các ông các bà khen là con dâu bà Sỹ giỏi giang, đẹp người, đẹp nét. Các ông các bà cầm tay vuốt tóc, các em chồng dạ thưa chị cả, các cháu thưa bác, thưa mợ. Tất cả cho tôi nhiều tình thương dù đó mới chỉ là lần đầu.

Mưỡu Giáp trong tôi rất nhiều kỷ niệm, mỗi lần đi thăm chồng tại trại tù Ba Sao là tôi ghé về quê trước, tôi đã được sống và được thờ cùng làng Mưỡu Giáp.

Có lần thăm quê vào vụ cấy, mọi người tập nập ngoài đồng. Tôi cũng theo mẹ và mấy cô em chồng đi cấy, cũng xắn quần xắn áo xuống ruộng, mọi người vui vẻ coi tôi làm việc còn trêu tôi sao chân chị trắng thế.

Trời! Cả đời tôi có biết đồng ruộng là gì đâu, mới bước xuống ruộng thì eo ơi, hai bắp chân tôi đen kịt, cả chục con đĩa bám đầy, tôi vội leo lên bờ đứng run. Mẹ chồng tôi lấy cái túi bọc vôi xoa xoa nhẹ vào bắp chân tôi thì những con đĩa mọng đỏ rơi vãi trên bờ.

Một lần ghé quê đêm khuya để mai vào thăm chồng, tôi

một mình xuống xe đi bộ từ đầu làng, qua nhà Thờ rồi đi vào xóm trong, tường đã nhiều lần về quê nên tôi không ghé vào nhà chú em chồng ở khu nhà Thờ để nhờ mấy cháu xách giúp ít đồ, và cũng muốn cha mẹ chồng bất ngờ. Trên đường trước khi vào nhà tôi lùi thúi một mình. Bên trái là nhà, bên phải là cánh đồng, mưa lất phất, đường trơn trượt, chân bước đi mà như có tiếng người bước theo, sau gáy có luồng gió lành lạnh, tôi đi như chạy một mạch về tới nhà. Bố mẹ tôi mừng rỡ. Lúc bấy giờ tôi mới dám ngoái lại phía sau, không thấy gì cả chỉ là bóng đêm. Tôi hỏi ông bà:

- Thầy ơi, ở đây là xứ đạo mọi lần con về ban ngày ai ai cũng thân thiết lắm, mà sao hôm nay con về ban đêm như có ai theo con, như chọc ghẹo con.

Cha chồng tôi không nói gì, chỉ bảo:

- Sao con không vào nhà em Trường nói mấy cháu đưa vào?

Sáng hôm sau khi hai bố con ngồi uống trà thì ông mới nói:

- Hôm qua con đi lối đó, chỗ cái máy bơm nước là đường vào đất Thánh, là nghĩa địa, lần sau con về tối nhớ vào nhà em nhờ mấy cháu dẫn vào, và nhớ ban đêm đi lối trong xóm mà về nhà.

Mấy cô em chồng tôi thì lắc đầu, lè lưỡi bảo:

- Sao chị gan thế, tụi em chẳng bao giờ dám đi qua lối ấy khi trời tối.

Một buổi chiều mùa Đông, mưa lất phất, gió rét, tôi ghé quê để ngày hôm sau đón mẹ chồng tôi vào trại thăm chồng. Trên đường vào nhà, tôi gặp một người chặn trâu mặc áo toi lụp xụp, đầu che kín với cái nón lạnh phủ tai. Thấy tôi đi ngang qua, anh ta như đã biết tôi, gọi với theo:

- Chị Chiến ngày mai mang giấy ra trình tôi nhé.

Tôi cũng ‘dạ’ cho xong chuyện, mà thực ra tôi có biết người chặn trâu này là ai đâu.

Vào tối nhà tôi hỏi ông nội mấy cháu về người chăn trâu bảo ngày mai ra trình giấy tờ. Lúc đó, tôi mới được biết đó là anh công an khu vực trong xóm.

Bố chồng tôi nói với mẹ chồng tôi và như nói cả với tôi:

- Ngày mai nếu còn kịp giờ, bà dẫn con vào gặp họ một tí. Họ cũng ở gần nhà em Trường. Ông nói tiếp. Sau năm 1954, các chú, các cô và chồng con vào Nam, đêm đêm những người của xã họ xuống ngủ ngoài sân nhà mình. Trong nhà bà nội và thầy mẹ động đậy gì trên xã, trên huyện họ cũng biết hết. Tôi nghiệp mẹ mày, nuôi được mấy con gà, muốn cho bà nội, thầy và mấy em ăn, nhưng không biết làm sao. Thầy phải bóp miệng, cột cánh và chặt cổ để cho không có tiếng kêu khi gà chết, tránh hàng xóm và người ngoài đường không nghe được. Ăn phải dẫu dẫu, giếm giếm, lông gà cũng phải chôn dưới bếp lò để khi lông gà khô thì đốt.

Ngày hôm sau tôi và mẹ chồng tôi đón xe Ninh Bình - Phủ Lý sớm để kịp vào Ba Sao thăm chồng tôi vào buổi chiều.

* * *

Chồng tôi sau bao năm xa cách, mà khi trở về quê cũ, trước khi gia đình chúng tôi rời xa Đất Nước, lại chính tôi đưa anh về và giới thiệu với anh từ xóm ngoài, xóm giữa, và xóm trong nhà mình.

Chúng tôi vào trong nhà thờ, tạ ơn Chúa, sau bao thăng trầm, chúng tôi lại được bên nhau, nơi quê hương của anh mà suốt bao nhiêu năm anh bị tù đầy. Nơi đó cũng ở chính phía sau dãy núi cuối làng chừng vài chục cây số.

Tôi đã cùng anh ngồi nghỉ trên sân nhà thờ, mà những đêm Giáng Sinh anh thường ngủ. Trai làng, lớp tuổi của cha, chú anh đã tập võ, múa kiếm trên sân trong những đêm trăng. Tôi tưởng như vẫn còn thấy đâu đây những tia chớp của mũi kiếm chạm gạch và tiếng bước chân mạnh mẽ trên nền của thể hệ cha chú đang múa quyền, đánh gậy. Tôi im lặng để cho anh

hồi tưởng lại tuổi thơ của mình.

Anh đã nhắc những kỷ niệm thời ấu thơ, đi thăm mồ mả tổ tiên. Nơi đây năm trước một lần ra thăm tôi thấy rêu đất phủ đầy, nên đã bảo mấy chú em quét vôi và làm cỏ cho sạch sẽ. Anh đã dẫn tôi lang thang trong khu núi đá vôi, đi tìm núi Chùa Am mà chẳng thấy. Cái núi có cửa cũng bằng đá có lỗ khóa, nay đã bị san bằng. Cái núi theo lời đồn từ bao đời là nơi cất dấu vàng của Tàu khi đô hộ nước Ta.

Theo lời kể của dân làng, trước năm 1975 khi Trung Cộng đặt phòng không trên núi để chặn máy bay từ biển vào Ninh Bình, họ đã ngăn không cho dân làng vào, lấy cớ là khu quân sự, lấy đá làm đường, đã san bằng ngọn núi chùa Am. Xe chở đá ra vào tấp nập, rơi vãi đá trên đường đi. Trong đám đá rơi vãi đó, một người dân làng đã lượm được một thỏi vàng.

Anh tìm hang Dơi nhưng không còn nữa, đã mất dấu, chỉ là cái hang không có cửa vào. Nơi đây đã là nơi cả dân làng vào trú ẩn mỗi khi lính Pháp hành quân vào làng. Cả núi Con Voi cũng chỉ là bãi đất bằng nền đá trơ trụi. Anh bảo khi xưa, anh đã cùng chúng bạn được cỡi trên mình con voi đá khổng lồ ấy.

Anh đọc bài thơ “Chốn ấy” của anh mà như có tiếng vọng của tuổi thơ:

*Đã mơ chân sáo đường ven núi,
Tưởng vọng, vọng ơi ngõ cuối làng.
Một thửa lưu đầy nơi đất tổ,
Bao ngày khách lạ chốn tha hương*

Anh chỉ chỗ này là Ao Phe, mà ngày xưa một tên Tàu bán thuốc dạo thuê dân làng đào ao. Khi thấy con rùa bằng đá nằm trên một cái chum, mở ra thì cái chum đầy nước. Nó ngòi khóc rằng vàng của tổ tiên nó đã biến thành nước hết rồi. Dân làng cũng tin, còn tỏ ra thương hại nó. Nhưng ngày hôm sau mọi người thấy con rùa trống bụng nằm chơ vơ bên đường. Thì ra tên Tàu đã hơ bụng con rùa lấy đi hết vàng, rồi biến mất.

Tôi cùng anh cố leo lên đỉnh núi có cây Thánh Giá, từ đây

có thể nhìn bao quát cả vùng quê. Nhìn về hướng mặt trời lặn, tôi chỉ thấy núi non trùng điệp. Xa thật xa, nơi thật xa đó là trại tù Ba Sao.

Cánh đồng lúa mênh mông xanh rì bao quanh làng, xa tấp về phía mặt trời mọc, con đường Quốc Lộ Số 1 chạy hướng Nam Bắc phía ngoài làng.

Anh đã chỉ cho tôi bên kia quốc lộ là ruộng lúa. Khi xưa – 1954 - mùa gặt xong, cánh đồng nứt nẻ. Nơi ấy, một đêm tối trời, tất cả dân các làng quanh vùng được tập hợp lại, mỗi nhà chỉ được một người ở nhà. Đêm ấy, ông Lý Toái là Lý Trường làng anh, bị ghép tội địa chủ, bị cột vào một cái cọc giữa đồng. Trong ánh đuốc bập bùng, tiếng hoan hô, đã đảo, mọi người bị kích động bởi người từ ở đâu về, họ kể ra những tội của ông. Cuộc đấu tố kết thúc bằng cuộc xử bắn ông ngay tại cánh đồng.

Sau những tiếng súng, ai cũng đang nín thở run sợ, thì bỗng sấm sét, giông tố nổi lên. Mọi người càng sợ hãi hơn, tán loạn chạy về nhà.

Anh kể, hình ảnh của đêm đấu tố đã làm cho anh hoảng sợ. Từ lúc anh rời Phát Diệm về quê, anh không thích đi học nữa. Lo con bỏ học nên Mẹ anh cho anh đi vào Nam trước. Khi bà nội anh đưa bà thím và đứa con mới 15 ngày tuổi ra Hà Nội để gặp ông chú, anh đã cùng đi với bà thím ra Hà Nội và không lưỡng lự khi bỏ quê hương, bỏ cha mẹ anh em mà đi.

- Về hướng Bắc, dọc theo ven núi, là một con sông. Xa thật xa là bến phà Phủ Lý. Bến phà đã cho anh những kỷ niệm. Anh chỉ.

Tháng 8 năm 1954, nước ngập mênh mông cả vùng quê, cha anh đã đưa anh ra bến đò Phủ Lý. Bà nội anh vì thương các cháu nên đưa các cháu lên tới Hà Nội giao cho ông chú rồi lại từ Hà Nội trở về làng.

Khi anh lên xe để đi Hà Nội, cha anh nói với bà nội anh:

- “Nếu cháu nó không thích đi thì mẹ cứ đem nó về.”

Ông lau nước mắt vội vàng quay trở lại con thuyền đã đưa em dâu, cháu, và con ra đi mà không hẹn ngày về. Trong khi đó anh chỉ với một bộ trong người vẫn cứ bước lên xe mà đi.

Rồi 28 năm sau -1982- anh và bạn bè của anh bị còng tay, chuyển trại từ Tân Lập về trại Ba Sao, trên bến sông, bến phà Phủ Lý chỉ cách làng quê anh hơn 10 cây số.

Cũng chính bến phà này, tôi đã cùng các chị không phải là chinh phụ mà là những con cò gánh gạo nuôi chồng. Chúng tôi đã qua bến sông này bao nhiêu lần, bằng đủ mọi phương tiện, khi thì đi xe đò, xe chở than, chở củi, thân xác lặn lội với cái thùng xe, không biết bám víu vào đâu, phó mặc cho đoạn trường. Chiếc xe như gã say rượu, lắc lư theo đường lầy lội đất đá gập ghềnh, mấp mô, như muốn ném chúng tôi xuống lòng đường.

Có lần từ quê vào Ba Sao bằng xe đạp của mấy chú em, khi lên những con dốc phải xuống đi bộ. Mấy người dân quê thấy chúng tôi ì ạch, nên theo sau đẩy giúp. Qua khỏi cái dốc thì quà cáp cũng bị đánh cắp.

Có những lúc qua phà, phải đi bộ mười mấy cây số vì không đón được xe. Đôi khi vì trời tối phải ngủ lại tại quán trọ ở bến phà. Nói là ngủ nhưng chỉ ngồi để canh mấy giờ quà vì hờ ra là mất liền. Nơi đây tập hợp đủ mọi thành phần xã hội.

Một lần qua bến phà Phủ Lý, tôi và mấy chị cùng vào trại Ba Sao trong chiếc xe đò tương đối dễ chịu, không bị vật vạ, nghĩ rằng chuyến thăm này may mắn, sẽ được vui vẻ. Nhưng gần tới trại, chúng tôi chứng kiến mấy người tù đang lên dốc khiêng một cái hòm được đóng sơ sài để lộ mảnh vải của người nằm bên trong phất phơ theo gió. Chúng tôi nhìn nhau, các chị nước mắt tràn trề. Ai đó? Chồng mình? Cha mình? Anh mình?... Tất cả im lặng. Không ai nói với ai, một sự im lặng tắc nghẹn trong tim. Trong thống khổ lộ ra những nhỏ nhoi, ích kỷ... Tôi thầm khấn là ai... xin không là chồng tôi

nằm trong chiếc quan tài oan nghiệt đó.

Lại nghe có tiếng nói khi biết người trong quan tài kia không phải là chồng, là cha của những người trong chúng tôi.

Đã bao lần qua bến sông này với sức thân liễu yếu, tôi nghĩ rằng không kham nổi, nhưng với tình thương của gia đình dành cho anh, tôi đã vượt qua. Sau ngày 30 tháng Tư, ba tôi và hai anh của tôi và anh rể cùng bị đi tù. Ba tôi tù ở Long Thành bị bệnh nặng tưởng chết nên được cho về. Ba tháng sau thì ông mất. Nhà của má tôi bị tịch thu vì anh tôi, vợ chồng em gái, và hai em trai vượt biên, vì thế má tôi thu xếp về ở với mẹ con tôi. Gia đình tôi cũng chịu bao cảnh chia ly.

Người cuối cùng trong gia đình tôi chịu cảnh tù đầy là chồng tôi nên mọi tình thương đều dồn cho chúng tôi, nhất là cho anh. Các em tôi đã giúp đỡ và hồi thúc tôi thăm nuôi anh để anh vượt qua khổ ải này, để có ngày sum họp với mẹ con tôi.

Ngày anh trở về với mẹ con tôi - cuối năm 1987 - từ trại tù Ba Sao cũng phải qua bến sông kia. Khi tôi và anh lại trở về thăm quê hương anh, nhìn lại bến sông kia, nước vẫn chảy trong xanh muôn đời, nhưng trong chúng tôi bến sông kia như đã bao lần đổi màu.

Chúng tôi ngồi trên đỉnh núi nhớ lại những đoạn đường đã qua.

Buổi chiều tà, bóng núi Thánh Giá che phủ cả thôn làng, như áp ủ con dân suốt đêm trường và ngày mai lại được bóng của ngôi nhà Thờ phủ xuống mọi nhà.

Trên đỉnh núi gió lộng, nghe gió hú, nhìn mây bay, vang vang tiếng chuông chiều.

Tiếng chuông đã cho chúng tôi được an bình trong khoảnh khắc, như để quên đi thăng trầm của cuộc sống những năm tháng qua.



Từ Tạ

Trần Hồng Phúc

(Cho Đàm, với một mối tình không đoạn cuối.)

Và anh ạ tình anh cho ngày ấy
Tập thư tình anh gửi vẫn còn đây
Lời thư tình còn hoa mộng đâu đây
Cho em giữ tình anh theo ngày tháng

*Và em biết tình anh đau tha thiết
Đam mê nhiều em xin nhận trong mơ
Chuyện tương lai em ngây dại ơ thờ
Nên để lại tình yêu theo màu nắng*

Ngày anh đến với tình yêu trong trắng
Em ngây thơ còn mơ mộng vẫn vơ
Để chiều Thu tìm Đà Lạt mơ hồ
Trời băng lạnh và không lời tạm biệt

*Xin anh hãy cho em lời tha thứ
Xin anh nghe lời ân hận lòng em
Ngang trái đời em đi lạc đường đêm
Xin anh hiểu cho em đời con gái*



Đà Nẵng, tháng Năm năm 1969